

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 10/12/2020

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Xuân và bà Vũ Thị Xuyên

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10/12/2020, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2020/TLST - HNGĐ ngày 19/8/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn:** ông **Hoàng Văn C**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ 8, khu 2, phường B, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**2.Bị đơn:** Bà **Hoàng Thị N**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 14C, khu 5B, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Văn C trình bày: Ông và vợ là bà Hoàng Thị N đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1988, tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông làm ăn bị thua lỗ, phải vào Tây Nguyên trốn nợ, từ đó vợ chồng sống xa nhau. Sau đó ông phải đi chấp hành án. Trong thời gian khó khăn đó bà N

không quan tâm, chia sẻ cùng ông. Ông thừa nhận có con chung với người phụ nữ khác. Do thời gian vợ chồng sống xa nhau quá lâu, tình cảm không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Hoàng Thị N.

Ý kiến trình bày của bị đơn bà Hoàng Thị N: Về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn giữa bà và ông Hoàng Văn C bà thừa nhận như ông C đã trình bày là đúng. Về quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn có hạnh phúc. Từ năm 1999 ông C vào Tây Nguyên trốn nợ, bà có đưa con vào sống cùng ông được khoảng 01 năm; nhưng do điều kiện khó khăn nên bà lại đưa con ra ngoài Bắc sống, từ đó vợ chồng sống xa nhau, ông C không có trách nhiệm với vợ con. Trong thời gian đó ông C có con với người phụ nữ khác, nhưng ông C vẫn hứa hẹn sẽ quan tâm về vật chất với bà nên bà chấp nhận việc ông có con riêng. Quan điểm của bà nếu ông C thanh toán cho bà một khoản tiền thì bà đồng ý ly hôn, nhưng ông C không thanh toán tiền cho bà nên bà không đồng ý ly hôn.

**\* Về con chung:** Ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị N trình bày: Quá trình chung sống ông bà có 02 (hai) người con chung là Hoàng Thị Thu Ngân, sinh ngày 19/12/1989 và Hoàng Trọng Nghĩa, sinh ngày 12/10/1994. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

**\* Về tài sản chung:**

Ông Hoàng Văn C trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hoàng Thị N trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm yêu cầu ông C phải thanh toán cho bà số tiền 1.144.000.000đ, gồm tiền bán nhà của vợ chồng và tiền bà nuôi con khi ông C sống trong Tây Nguyên. Tòa án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung của vợ chồng và giao cho bà, nhưng bà không nộp tạm ứng án phí nên không có căn cứ thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của bà. Tại phiên tòa, quan điểm của bà là không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng.

Qua xác minh tại khu 2, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, đại diện khu 2 cho biết: Ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị N kết hôn và chung sống với nhau tại phường Bắc Sơn từ năm 1988. Đến khoảng năm 1998 ông C vào miền Nam sinh sống; khoảng năm 2014 ông C bị bắt đi chấp hành án, năm 2015 ông trở về nhà bố mẹ để ở phường Bắc Sơn sống đến nay, còn bà N không sống cùng ông C mà ở phường Quang Trung, thành phố Uông Bí. Về con chung: Ông bà có 02 (hai) người con chung đều đã trưởng thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng VĂN C:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị N đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1988, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C làm ăn thua lỗ, phải trốn vào Tây Nguyên sinh sống, từ đó vợ chồng sống xa nhau. Ông bà đã không chung sống với nhau thời gian dài từ đó đến nay. Cả hai ông bà đều cho rằng vợ chồng sống không có trách nhiệm với nhau. Ông C xác định không còn tình cảm với vợ nữa, bà N có quan điểm vẫn còn tình cảm với chồng, nhưng nếu ông C thanh toán cho bà một khoản tiền thì bà lại đồng ý ly hôn. Mặt khác, bà N cũng không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng về chung sống; điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, cho ông C ly hôn với bà N.

Việc ông C và bà N trình bày trong khi ông C chưa ly hôn với bà N lại có con chung với người khác, bà N được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét để xử lý theo quy định.

- Về con chung: các con chung của ông bà đều đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Ông C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn C. Ông Hoàng Văn C được ly hôn với bà Hoàng Thị N.

2. Về án phí ly hôn: Ông Hoàng Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003495 ngày 19/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án DS TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- UBND phường Bắc Sơn, TP Uông Bí;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Giang Thanh**